TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN BÀU BÀNG** **TỈNH BÌNH DƯƠNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 10/2024/HS-ST
Ngày: 26- 01 -2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÀU BÀNG, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Tùng.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Văn Hòa.

Ông Nguyễn Long Giang.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phan Thị Phương, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bàu Bàng, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bàu Bàng, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Ông Thái Hoàng Giang - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 01 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bàu Bàng, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 90/2023/TLST-HS ngày 08 tháng 9 năm 2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 124/2023/QĐXXST-HS ngày 23 tháng 11 năm 2023, Quyết định hoãn phiên tòa số 59/2023/HSST-QĐ ngày 07 tháng 12 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 01/2024/HSST-QĐ ngày 05 tháng 01 năm 2024 đối với các bị cáo:

1. Thạch Tô N, sinh năm 1992 tại Trà Vinh; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: ấp C, xã N, huyện C, tỉnh Trà Vinh; tạm trú: ấp C, xã L, huyện B, tỉnh Bình Dương; nghề nghiệp: tài xế; trình độ học vấn: 9/12; dân tộc: Khmer; giới tính: Nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Thạch T (đã chết) và bà Thạch Thị T1; có vợ là Kim Thị Sa P và 01 con; tiền án, tiền sự: không; bị bắt, tạm giữ từ ngày 23 tháng 3 năm 2023 đến ngày 01 tháng 4 năm 2023 tạm giam cho đến đến nay; có mặt.

2. Kiên Thiện K, sinh năm 1993 tại Trà Vinh; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: ấp S, xã T, huyện C, tỉnh Trà Vinh; tạm trú: ấp B, xã T, huyện B, tỉnh Bình Dương; nghề nghiệp: làm thuê; trình độ học vấn: 11/12; dân tộc: Khmer; giới tính: nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Kiên K1 và bà Kiên Thị Sô Ri A (đã chết); có vợ là Thạch Thị Na V và 02 con; tiền án, tiền sự: không; bị bắt, tạm giữ từ ngày 23 tháng 3 năm 2023 đến ngày 01 tháng 4 năm 2023 tạm giam cho đến đến nay; có mặt.

3. Huỳnh H, sinh năm 1982 tại Sóc Trăng; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Sóc Trăng; tạm trú: ấp C, xã L, huyện B, tỉnh Bình Dương; nghề nghiệp: làm thuê; trình độ học vấn: 08/12; dân tộc: Khmer; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Huỳnh U (đã chết) và bà Thạch Thị H1; có vợ là Nguyễn Thị Kim P1 và 01 con; tiền án, tiền sự: không; bị bắt, tạm giữ từ ngày 23 tháng 3 năm 2023 đến ngày 01 tháng 4 năm 2023 tạm giam cho đến đến nay; có mặt.

4. Phan Thị Phương Á, sinh năm 1978 tại Thừa Thiên Huế; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: khu phố B, thị trấn L, huyện B, tỉnh Bình Dương; nghề nghiệp: chăn nuôi, nội trợ; trình độ học vấn: 6/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nữ; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phan Văn L (đã chết) và bà Phạm Thị B; có chồng là Hồ T2 và 02 con; tiền án, tiền sự: không; bị cáo tại ngoại; có mặt.

5. Hồ T2, sinh năm 1970 tại Thừa Thiên Huế; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: khu phố B, thị trấn L, huyện B, tỉnh Bình Dương; nghề nghiệp: chăn nuôi; trình độ học vấn: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Hồ C (đã chết) và bà Lê Thị M (đã chết); có vợ là Phan Thị Phương Á và 02 con; tiền án, tiền sự: không; bị cáo tại ngoại; có mặt.

- *Nguyên đơn dân sự:* Công ty trách nhiệm hữu hạn Một thành viên L2; địa chỉ: thửa đất số 52, tờ bản đồ số 3, ấp C, xã L, huyện B, tỉnh Bình Dương.

Người đại diện hợp pháp: Bà Nguyễn Thị L1, sinh năm 1966; nơi cư trú: thửa đất số 52, tờ bản đồ số 3, ấp C, xã L, huyện B, tỉnh Bình Dương, là người đại diện theo pháp luật; vắng mặt.

- *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án:*

1. Công ty trách nhiệm hữu hạn N2; địa chỉ: ấp C, xã L, huyện L, tỉnh Bình Phước.

Người đại diện hợp pháp: Ông Lau Joo H2; chức danh: Giám đốc; nơi cư trú: số C T, phường T, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh, là người đại diện theo pháp luật.

Người đại diện theo uỷ quyền: Ông Võ Đức Đ, sinh năm 1982; nơi cư trú: ấp C, xã T, huyện B, tỉnh Bình Dương (văn bản uỷ quyền ngày 08 tháng 11 năm 2023), có mặt.

2. Công ty trách nhiệm hữu hạn E; địa chỉ: lô A -11A-CN, khu công nghiệp B, thị trấn L, huyện B, tỉnh Bình Dương.

Người đại diện hợp pháp: Ông Lau Joo H2; chức danh: Tổng Giám đốc; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: số E, J, M1, 84000 Muar, J, Malaysia; chỗ ở hiện tại: lô A -11A-CN, khu công nghiệp B, thị trấn L, huyện B, tỉnh Bình Dương, là người đại diện theo pháp luật.

Người đại diện theo uỷ quyền: Ông Võ Đức Đ, sinh năm 1982; nơi cư trú: ấp C, xã T, huyện B, tỉnh Bình Dương (văn bản uỷ quyền ngày 08 tháng 11 năm 2023), có mặt.

3. Bà Lâm Thị T3, sinh năm 1975; nơi cư trú: ấp B, xã T, huyện B, tỉnh Bình Dương, vắng mặt.

4. Bà Thạch Thị T1, sinh năm 1968; nơi cư trú: ấp C, xã N, huyện C, tỉnh Trà Vinh, có mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Về hành vi phạm tội của các bị cáo:

Công ty trách nhiệm hữu hạn E (gọi tắt là Công ty E1) chuyên sản xuất thức ăn chăn nuôi. Công ty trách nhiệm hữu hạn N2 (gọi là Công ty N2) là công ty chuyên chăn nuôi và có hợp đồng nuôi gia công với các trại heo nuôi gia công. Giữa Công ty E1 và Công ty N2 có hợp đồng mua bán cám số: EMI05/23/FFVN-HĐMB ngày 01 tháng 01 năm 2023. Theo các thỏa thuận hợp đồng như trên thì Công ty E1 bán thức ăn chăn nuôi (cám) cho Công ty L3, Công ty N2 chuyển thức ăn chăn nuôi (cám) về các trại heo nuôi gia công và Công ty E1 chịu chi phí vận chuyển và thuê Công ty Trách nhiệm hữu hạn một thành viên L2 (gọi tắt là Công ty L2) theo hợp đồng số: 01/HDVC2023/EFV-LL vận chuyển cám đến các trại heo theo yêu cầu. Việc vận chuyển có hóa đơn và phiếu xuất kho. Công ty N2 trả tiền cám cho Công ty E1. Hàng hóa nếu thất thoát, mất mát, hư hỏng trong giai đoạn nào thì đơn vị đó chịu trách nhiệm.

Công ty N2 và trại heo của bà Lâm Thị T3 có hợp đồng chăn nuôi gia công số: 01/06/2019/HĐGC-TERATAI) về việc nuôi heo tại trại heo của bà T3, bà T3 đầu tư chuồng trại, còn Công ty N2 cung cấp giống và thức ăn (cám).

Thạch Tô N làm tài xế cho Công ty L2 theo hợp đồng lao động số 05/HĐLD. Kiên Thiện K làm thuê cho trại heo của bà Lâm Thị T3. Khuyên được bà T3 giao nhiệm vụ là kiểm tra số lượng bao cám nhập vào trại heo đúng với hoá đơn xuất kho. Trong quá trình Nal chạy xe tải chở cám cho Công ty L2 để giao cho trại heo của bà T3 thì N quen với K. Nal và K nảy sinh ý định chiếm đoạt những bao cám mà N vận chuyển để lấy tiền tiêu xài. Để thực hiện ý định trên, N và K thoả thuận, trong quá trình vận chuyển Nal sẽ lấy những bao cám mà N đang vận chuyển để đi bán, sau đó khi đến giao cám cho trại heo T3, K sẽ ký nhận đủ số lượng bao cám theo phiếu xuất nhập kho. Số tiền bán được từ những bao cám đã bị chiếm đoạt sẽ chia đều cho N và K.

Ngày 22 tháng 3 năm 2023, Thạch Tô N điều khiển xe ô tô tải biển số: 61H-0.59.73 chở theo 400 bao cám loại 9303S, KLT: 40kg, trên bao bì có dòng chữ "Sản phẩm dùng nội bộ" do Công ty E1 sản xuất. Từ Công ty E2, tại đường D, khu phố Đ, thị trấn L, huyện B, tỉnh Bình Dương đến giao tại trại heo Thắm tại ấp B, xã T, huyện B, tỉnh Bình Dương do Kiên Thiện K làm quản lý. Nal thuê H là người bốc vác, đi cùng xe tải đến trại heo giao cám. Trên đường đi, Thạch Tô N gọi điện cho K nói "hôm nay có 400 bao, ra được không", K trả lời "30 bao". Sau khi thoả thuận với K, N tiếp tục thoả thuận với H lấy 30 bao cám lấy tiền tiêu xài, số tiền bán được sẽ chia cho K 07 phần, H 03 phần, H đồng ý. N nói với H gọi điện kiếm người mua cám. H nhớ lúc trước có người cho H số điện thoại của Á có mua cám nên lấy điện thoại gọi cho Á nói có 30 bao cám có mua cho heo ăn không, Á đồng ý mua và cùng chồng là T2 điều khiển xe ô tô tải biển số: 93H-080.24 đến bãi đất

trống trước nhà thờ thánh P2, ấp B, Trừ Văn T4, huyện B, tỉnh Bình Dương chờ sẵn. Sau đó, N điều khiển xe ô tô tải biển số: 61H-059.73 đến địa điểm Tánh và Á chờ sẵn. Đến nơi, N quay hông xe tải 61H-059.73 sau đuôi xe tải 93H-080.24, T2 và N lên xe tải 61H-059.73 chuyển 30 bao cám sang xe ô tô tải 93H-080.24 do H đứng sẵn trên xe sắp xếp. Sau khi giao cám xong, T2 trả số tiền 12.300.000 đồng cho H. Giao hàng và nhận tiền xong, T2 và Á ra về. Thạch Tô N và Huỳnh H chở cám đến giao tại trại heo T3. Khi N và H đến giao cám tại trại heo, số bao cám bị thiếu hụt 30 bao, bị chủ trại phát hiện, trình báo đến cơ quan Công an xã T. Công an xã T mời N, K, H, Á và T2 về trụ sở làm việc.

Qua quá trình điều tra, N và K khai nhận, ngoài lần phạm tội ngày 22 tháng 3 năm 2023 với cùng thủ đoạn phạm tội trên, N và K cùng với đối tượng bốc vác tên D (không rõ họ tên, địa chỉ) do N thuê đã 02 lần chiếm đoạt bao cám trên đường vận chuyển cho trại heo của bà T3 như sau:

Lần thứ nhất: Đầu tháng 3 năm 2023 chiếm đoạt 10 bao cám 9303S, KLT: 25kg, do Công ty E1 sản xuất; Nal bán cho các bị cáo Á, T2 được 2.300.000 đồng, chia cho K 1.300.000 đồng, cho D bốc vác 300.000 đồng, N hưởng 700.000 đồng. Nal khai nhận D liên hệ với các bị cáo Á, T2.

Lần thứ 2: Ngày 08 tháng 3 năm 2023, chiếm đoạt 20 bao cám 9303S, KLT: 40kg, do Công ty E1 sản xuất. Nal bán cho các bị cáo Á, T2 được 8.200.000 đồng, N chia cho K 4.400.000 đồng, chia cho D bốc xếp 1.000.000 đồng, N hưởng 2.800.000 đồng. N khai nhận D liên hệ với vợ chồng các bị cáo Á, T2.

Đối với hành vi mua 30 bao cám ngày 22 tháng 3 năm 2023 của bị cáo T2 và bị cáo Á thừa nhận biết số cám N và H bán là chiếm đoạt của công ty, vì trên bao cám có dòng chữ "Sản phẩm dùng nội bộ" nhưng vì ham rẻ nên vẫn đồng ý mua. Hành vi của các bị cáo Á, T2 đã đủ yếu tố cấu thành tội "Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội".

Đối với lần thứ nhất và lần thứ hai, N khai nhận D liên hệ bị cáo Á, T2 để N bán 30 bao cám đã chiếm đoạt cho bị cáo Á, T2. Tuy nhiên qua làm việc, bị cáo Á, T2 không thừa nhận đã mua 30 bao cám của 02 lần này. Vì vậy, chỉ lời khai của N không đủ chứng cứ để buộc hành vi tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có của 02 lần này đối với bị cáo Á, T2.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội đã thực hiện đúng như Cáo trạng đã truy tố; bị hại và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án không có ý kiến gì về hành vi phạm tội của bị cáo.

Đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố tại phiên tòa giữ nguyên quan điểm truy tố hành vi của các bị cáo N, K đủ yếu tố cấu thành tội "Tham ô tài sản" theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 353 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017; bị cáo H đủ yếu tố cấu thành tội "Tham ô tài sản" theo quy định tại khoản 1 Điều 353 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017; các bị cáo Á, T2 đủ yếu tố cấu thành tội "Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có" theo quy định tại khoản 1 Điều 323 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 .

- Về các vấn đề khác của vụ án:

Theo biên bản tạm giữ đồ vật, tài liệu ngày 23 tháng 3 năm 2023 (bút lục số 124) thu giữ của bị cáo N gồm 01 điện thoại di động Iphone 6S Plus, màu hồng, mặt kính bị nứt vỡ có, có số sêri: C39S20Z2GRXG; 01 xe ô tô tải biển số 61H - 059.73 và số tiền 12.300.000.

Theo biên bản tạm giữ đồ vật, tài liệu ngày 23 tháng 3 năm 2023 (bút lục số 148) thu giữ của bị cáo K 01 điện thoại di động OPPO số Imei 1: 865545059272516, I: 865545059272508.

Theo biên bản tạm giữ đồ vật, tài liệu ngày 23 tháng 3 năm 2023 (bút lục số 169) thu giữ của bị cáo H 01 điện thoại di động hiệu Samsung Galaxy A03s, số sêri: R9HRA05JX5D.

Theo biên bản tạm giữ đồ vật, tài liệu ngày 23 tháng 3 năm 2023 (bút lục số 186) thu giữ của bị cáo Á một điện thoại di động Xiaomi, màu vàng trắng model không có thẻ sim trong máy.

Theo biên bản tạm giữ đồ vật, tài liệu ngày 23 tháng 3 năm 2023 (bút lục số 207) thu giữ của bị cáo T2 một điện thoại di động màu đen đã qua sử dụng hiệu Nokia 105 có số seri 352713076257007 và số 352713076257105; 01 xe ô tô tải biển số: 93H-080.24 hiệu Vinaxuki, đã cũ, tải trọng 795 kg bị trầy xước nhiều vụ trí phần đầu và thùng xe không gắn biển số phía trước và 30 bao cám nhãn hiệu 9303S, khối lượng 40 kg có dòng chữ "Sản phẩm dùng nội bộ".

Theo biên bản giao nhận tài liệu đồ vật dữ liệu điện tử ngày 03 tháng 4 năm 2023 (bút lục số 284) thu giữ của bị cáo T2 01 Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô biển số 007696, đăng ký xe ô tô tải biển số 93H-080.24 mang tên Nguyễn Duy H3.

Theo Kết luận định giá tài sản số 21 ngày 05 tháng 4 năm 2023 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện B kết luận: 30 bao cám HH dạng viên dành cho heo siêu thịt từ 15 kg đến 30 kg, mã 9303S, KLT: 40kg, do Công ty E1 sản xuất, trị giá 17.136.000 đồng.

Theo Kết luận định giá tài sản số 22 ngày 05 tháng 4 năm 2023 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện B kết luận: 20 bao cám HH dạng viên dành cho heo siêu thịt từ 15 kg đến 30 kg, mã 9303S, KLT: 40kg, do Công ty E1 sản xuất, trị giá 11.424.000 đồng.

Theo Kết luận định giá tài sản số 23 ngày 05 tháng 4 năm 2023 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện B kết luận: 10 bao cám HH dạng viên dành cho heo siêu thịt từ 15 kg đến 30 kg, mã 9303S, KLT: 25kg, do Công ty E1 sản xuất, trị giá 3.570.000 đồng.

Về xử lý vật chứng:

- 01 xe ô tô tải biển số: 61H-059.73 là phương tiện bị cáo N điều khiển vận chuyển cám từ Công ty E1 đến giao cho trại heo T3. Đây là tài sản của Công ty L2, do bà Nguyễn Thị L1 làm đại diện pháp luật. Việc bị cáo N sử dụng làm công cụ, phương tiện vào mục đích phạm tội không liên quan đến Công ty L2, do đó Cơ quan điều tra đã ra quyết định xử lý vật chứng trao trả xe ô tô tải biển số: 61H-059.73 cho bà Nguyễn Thị L1.

- 30 bao cám 9303S, KLT: 40kg, do Công ty E1 sản xuất, là tài sản do các bị cáo N, H và K chiếm đoạt, bán cho các bị cáo Á và T2, sau khi bị phát hiện bị cáo T2 đã giao nộp lại. Đây là tài sản trong hợp đồng mua bán giữa Công ty E1 và Công ty N2, Cơ quan điều tra đã ra quyết định xử lý vật chứng trao trả cho ông Võ Đức Đ là người được ủy quyền của Công ty E1 và Công ty N2.

- 01 xe ô tô tải Vinaxuki, biển số: 93H-080.24 và kèm 01 giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 007696 các bị cáo T2 và Á dùng làm phương tiện chở 30 bao cám. Đây là tài sản của các bị cáo T2 và Á dùng làm công cụ, phương tiện thực hiện hành vi phạm tội, đề nghị tịch thu nộp ngân sách Nhà nước.

- 01 điện thoại di động Iphone 6S Plus của bị cáo N; 01 điện thoại di động OPPO Plus của bị cáo K; 01 điện thoại di động OPPO của bị cáo H; 01 điện thoại di động Xiaomi của bị cáo Á và 01 điện thoại di động Nokia 105 của bị cáo T2 dùng làm phương tiện liên lạc để thực hiện hành vi phạm tội, đề nghị tịch thu nộp ngân sách Nhà nước.

- Số tiền 12.300.000 đồng, là tiền có được từ việc bị cáo N bán cám cho bị cáo Á và T2. Bị cáo N tự nguyện giao nộp. Đây là tài sản do phạm tội mà có, đề nghị tịch thu nộp ngân sách Nhà nước.

Đối với 30 bao cám bị N và K chiếm đoạt ở lần thứ nhất và thứ 2, đại diện Công ty E1, Công ty N2, Công ty L2, trại heo của bà T3 đều thống nhất, N và K sẽ liên đối bồi thường thiệt hại cho Công ty N2 số tiền 14.994.000 đồng. Bị cáo N tác động mẹ ruộc nộp số tiền 7.500.000 đồng vào tài khoản Cơ quan thi hành án để khắc phục hậu quả. Bị cáo K đồng ý bồi thường, nhưng chưa bồi thường.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo không có ý kiến gì về về thu giữ và xử lý vật chứng như trên.

Về trích dẫn cáo trạng của Viện kiểm sát:

Bản Cáo trạng số 96/CT-VKSBB ngày 07 tháng 9 năm 2023 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Bàu Bàng đã truy tố bị cáo N, K đủ yếu tố cấu thành tội "Tham ô tài sản" theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 353 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017; bị cáo H đủ yếu tố cấu thành tội "Tham ô tài sản" theo quy định tại khoản 1 Điều 353 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017; các bị cáo Á, T2 đủ yếu tố cấu thành tội "Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có" theo quy định tại khoản 1 Điều 323 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quyết định truy tố đối với các bị cáo N, K, H, Á và T2 và đề nghị Hội đồng xét xử:

- Về mức hình phạt:

Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 353, điểm b, s khoản 1, 2 Điều 51, Điều 54 và Điều 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 đối với bị cáo N, xử phạt bị cáo N từ 05 (năm) năm đến 06 (sáu) năm tù.

Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 353, điểm s khoản 1, 2 Điều 51 và Điều 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 đối với bị cáo K, xử phạt bị cáo K từ 07 (bảy) năm đến 08 (tám) năm tù.

Áp dụng khoản 1 Điều 353, điểm s khoản 1, 2 Điều 51 và Điều 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 đối với bị cáo H, xử phạt bị cáo H từ 02 (hai) năm đến 03 (ba) năm tù.

Áp dụng khoản 1 Điều 323, điểm i, s khoản 1, 2 Điều 51 và Điều 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 đối với bị cáo Á, xử phạt bị cáo Á từ 40.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng.

Áp dụng khoản 1 Điều 323, điểm i, s khoản 1 Điều 51 và Điều 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 đối với bị cáo T2, xử phạt bị cáo T2 từ 40.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng.

- Về xử lý vật chứng:

Tịch thu nộp ngân sách Nhà nước 01 điện thoại di động Iphone 6S Plus của bị cáo N; 01 điện thoại di động OPPO Plus của bị cáo K; 01 điện thoại di động OPPO của bị cáo H; 01 điện thoại di động Xiaomi của bị cáo Á; 01 điện thoại di động Nokia 105 của bị cáo T2; 01 xe ô tô tải Vinaxuki, biển số: 93H-080.24 và kèm 01 giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 007696 và số tiền 12.300.000 đồng.

Buộc bị cáo Thạch Tô N phải nộp 3.500.000 đồng; bị cáo Kiên Thiện K phải nộp lại 5.700.000 đồng là tiền thu lợi bất chính.

Tại phiên tòa, các bị cáo, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án không tranh luận gì về quyết định truy tố của Viện kiểm sát và luận tội của Kiểm sát viên.

Các bị cáo nói lời sau cùng:

Bị cáo N: trong quá trình tạm giam bị cáo đã nhận thức được hành vi của mình là sai trái xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo để bị cáo sớm trở về tái hòa nhập cộng đồng, phụ giúp cho gia đình.

Bị cáo K: bị cáo đã nhận thức được hành vi của mình là sai trái mong Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo để sớm trở về làm lại cuộc đời.

Bị cáo H: bị cáo ăn năn hối hận về hành vi của mình, mong Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt để bị cáo sớm trở về với gia đình

Bị cáo Á: xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Bị cáo T2: bị cáo biết hành vi của mình là sai xin hứa với Hội đồng xét xử bị cáo sẽ không tái phạm mong Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện B, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện B, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo, nguyên đơn dân sự và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng,

người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo đều thừa nhận:

Khoảng đầu tháng 3 năm 2023 và ngày 08 tháng 3 năm 2023, trên đường vận chuyển cám cho Công ty L2 từ Công ty E2, tại đường D, khu phố Đ, thị trấn L, huyện B, tỉnh Bình Dương đến giao cho trại heo T3 tại ấp B, xã T, huyện B, tỉnh Bình Dương, các bị cáo N, K đã 02 lần chiếm đoạt tài sản do bị cáo có trách nhiệm quản lý gồm 10 bao cám 9303S, KLT: 25kg, trị giá 3.570.000 đồng, 20 bao cám 9303S, KLT: 40kg, trị giá: 11.424.000 đồng của Công ty L2. Số tiền thu lợi bất chính của K là 5.700.000 đồng, số tiền thu lợi bất chính của N là 3.500.000 đồng.

Ngày 22 tháng 3 năm 2023, trên đường vận chuyển cám cho Công ty L2 từ Công ty E2, tại đường D, khu phố Đ, thị trấn L, huyện B, tỉnh Bình Dương đến giao cho trại heo T3 tại ấp B, xã T, huyện B, tỉnh Bình Dương; các bị cáo N, K, H đã chiếm đoạt tài sản do các bị cáo có trách nhiệm quản lý là 30 bao cám loại 9303S, KLT: 40kg. Tài sản các bị cáo chiếm đoạt giá trị 17.136.000 đồng. Các bị cáo Á, T2 biết các tài sản trên do các bị cáo N, K, H có được do phạm tội mà có nhưng vì ham rẻ, lợi nhuận nên đã đồng ý mua.

Lời khai của các bị cáo phù hợp với nhau, phù hợp với lời khai của nguyên đơn dân sự, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án và các tài liệu, chứng cứ thu thập được trong hồ sơ vụ án và và diễn biến tại phiên tòa. Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận các bị cáo N, K đủ yếu tố cấu thành tội "Tham ô tài sản" theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 353 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017; bị cáo H đủ yếu tố cấu thành tội "Tham ô tài sản" theo quy định tại khoản 1 Điều 353 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017; các bị cáo Á, T2 đủ yếu tố cấu thành tội "Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có" theo quy định tại khoản 1 Điều 323 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017. Vì vậy, Cáo trạng truy tố các bị cáo tại phiên tòa là hoàn toàn đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] Các bị cáo có đầy đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự. Xét hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội và xem thường pháp luật, xâm phạm đến tài sản của cá nhân, tổ chức được pháp luật bảo vệ mà còn gây mất an ninh trật tự tại địa phương. Các bị cáo biết rõ hành vi phạm tội của mình là vi phạm pháp luật nhưng các bị cáo vẫn thực hiện là phạm tội với lỗi cố ý trực tiếp. Do đó, cần thiết phải xử phạt các bị cáo mức án tương xứng với mức độ và hậu quả do bị cáo gây ra để có tác dụng giáo dục riêng.

[4] Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: các bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[5] Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

[5.1] Đối với bị cáo N: trong quá trình điều tra và tại phiên toà bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, bị cáo tác động cho mẹ ruột nộp tiền bồi thường thiệt hại, khắc phục hậu quả; ngoài ra gia đình bị cáo có hoàn cảnh khó khăn đồng thời bị cáo là người dân tộc thiểu số nên được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm

hình sự quy định tại điểm b, s khoản 1, 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

[5.2] Đối với các bị cáo K, H: trong quá trình điều tra và tại phiên toà các bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; gia đình các bị cáo có hoàn cảnh khó khăn đồng thời các bị cáo là người dân tộc thiểu số nên được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1, 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

[5.3] Đối với các bị cáo Á và T2: phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, trong quá trình điều tra thành khẩn khai báo và ăn năn hối cải nên được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm i, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017; bị cáo Á có ông nội là ông Phan Văn B1 được Thủ tướng Chính phủ tặng Bằng khen Tổ Quốc ghi công nên được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

[6] Bị cáo N có hai tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 nên Hội đồng xét xử quyết định áp dụng hình phạt dưới mức thấp nhất của khung hình phạt được quy định tại Điều 54 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 để thể hiện sự khoan hồng của pháp luật đối với bị cáo.

[7] Xét thấy mức hình phạt mà đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bàu Bàng đề nghị đối với bị cáo là phù hợp với tính chất, mức độ hành vi mà bị cáo đã thực hiện nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[8] Xử lý vật chứng:

Đối với 30 bao cám loại 9003S, KLT: 40 kg là tài sản hợp pháp của Công ty N2 và 01 xe ô tô tải biển số 61H-05973 là tài sản hợp pháp của Công ty L4 ngày 18 tháng 4 năm 2023, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện B đã ra quyết định xử lý vật chứng trả lại cho Công ty N2 và Công ty L2 là phù hợp nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

Đối với 01 điện thoại di động Iphone 6S Plus của bị cáo N; 01 điện thoại di động OPPO Plus của bị cáo K; 01 điện thoại di động OPPO của bị cáo H; 01 điện thoại di động Xiaomi của bị cáo Á; 01 điện thoại di động Nokia 105 của bị cáo T2 là công cụ phương tiện các bị cáo dùng vào mục đích phạm tội nên Hội đồng xét xử quyết định sẽ tịch thu nộp ngân sách Nhà nước

Đối với 01 xe ô tô tải Vinaxuki, biển số: 93H-080.24 và kèm 01 giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 007696 mang tên Nguyễn Duy H3 nhưng ông H3 đã bán xe cho bị cáo T2 theo hợp đồng mua bán xe ngày 22 tháng 4 năm 2021. Hợp đồng mua bán xe được công chứng chứng thực tại Văn phòng C1 nên đây là tài sản hợp pháp của bị cáo T2. Việc các bị cáo Á và T2 dùng xe xe ô tô tải Vinaxuki, biển số: 93H-080.24 làm công cụ, phương tiện thực hiện hành vi phạm tội nên Hội đồng xét xử quyết định sẽ tịch thu nộp ngân sách Nhà nước.

Số tiền 12.300.000 đồng, là tiền thu lợi bất chính của bị cáo N, H và K từ việc bán cám cho bị cáo Á và T2 nên sẽ bị thu nộp ngân sách Nhà nước.

[10] Về trách nhiệm bồi thường thiệt hại; vấn đề dân sự trong vụ án:

Công ty N2 yêu cầu các bị cáo N và K liên đới bồi thường số tiền 14.994.000 đồng đối với 30 bao cám các bị cáo đã chiếm đoạt. Tại phiên tòa các bị cáo N và K đồng ý liên đới bồi thường cho Công ty N2 nên Hội đồng xét xử ghi nhận buộc các bị cáo N và K có trách nhiệm bồi thường cho Công ty N2 số tiền 14.994.000 đồng. Tuy nhiên, do ngày 20 tháng 11 năm 2023, bà Thạch Thị N1 là mẹ của bị cáo N có đơn xin nộp tiền bồi thường thiệt hại khắc phục hậu quả thay cho bị cáo. Số tiền bà N1 nộp là 7.500.000 đồng theo biên lai số 0002451 ngày 20 tháng 11 năm 2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bàu Bàng, tỉnh Bình Dương. Người đại diện hợp pháp của Công ty N2 và các bị cáo N và K thỏa thuận số tiền còn lại là 7.494.000 đồng bị cáo K sẽ có trách nhiệm bồi thường cho Công ty N2 nên Hội đồng xét xử ghi nhận sự thỏa thuận này.

[11] Số tiền 3.500.000 đồng bị cáo N có được và số tiền 5.700.000 đồng của bị cáo K có được là tiền thu lợi bất chính do phạm tội mà có nên Hội đồng xét xử buộc bị cáo N và K phải nộp lại số tiền trên để sung vào ngân sách Nhà nước.

[12] Bà Thạch Thị N1 là mẹ của bị cáo N cho bị cáo N số tiền 7.500.000 đồng để khắc phục hậu quả, bà N1 không yêu cầu bị cáo N phải trả tiền cho bà N1.

[13] Về án phí: mỗi bị cáo N, K, H, Á và T5 phải chịu án phí hình sự sơ thẩm, bị cáo K phải chịu thêm án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ:

Điểm c khoản 2 Điều 353, điểm b, s khoản 1, 2 Điều 51, Điều 54 và Điều 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 đối với bị cáo Thạch Tô N.

Điểm c khoản 2 Điều 353, điểm s khoản 1, 2 Điều 51 và Điều 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 đối với Khiên Thiện K2.

Khoản 1 Điều 353, điểm s khoản 1, 2 Điều 51 và Điều 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 đối với bị cáo Huỳnh H.

Khoản 1 Điều 323, điểm i, s khoản 1, 2 Điều 51 và Điều 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 đối với bị cáo Phan Thị Phương Á.

Khoản 1 Điều 323, điểm i, s khoản 1 Điều 51 và Điều 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 đối với bị cáo Hồ T2.

Điểm a khoản 1 Điều 46 và điểm a, b khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Điểm a, b khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Khoản 1 Điều 48 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017, khoản 1 Điều 584, khoản 1 Điều 585, khoản 1 Điều 586 và khoản 1 Điều 589 của Bộ luật Dân sự.

Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11 tháng 01 năm 2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao về hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm.

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án

1. Tuyên bố các bị cáo Thạch Tô N, Kiên Thiện Q và Huỳnh H phạm tội "Tham ô tài sản".

Xử phạt bị cáo Thạch Tô N 06 (sáu) năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 23 tháng 3 năm 2023.

Xử phạt bị cáo Kiên T6 Khuyên 07 (bảy) năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 23 tháng 3 năm 2023.

Xử phạt bị cáo Huỳnh H 02 (hai) năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 23 tháng 3 năm 2023.

2. Tuyên bố các bị cáo Phan Thị Phương Á và Hồ T2 phạm tội "Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có".

Xử phạt bị cáo Phan Thị Phương Á 40.000.000 (bốn mươi) triệu đồng.

Xử phạt bị cáo Hồ T2 40.000.000 (bốn mươi) triệu đồng.

3. Về biện pháp tư pháp và xử lý vật chứng:

Tịch thu nộp ngân sách Nhà nước:

01 (một) điện thoại di động Iphone 6S Plus màu hồng, mặt kính bị nứt vỡ, có số seri C39S20Z2GRXG đã qua sử dụng; 01 (một) điện thoại di động hiệu SamSung Galaxy A03s, số seri R9HRA05JX5D, đã qua sử dụng; 01 điện thoại di động OPPO, số Imei 1: 865545059272516, số Imeil 2: 865545059272508 đã qua sử sụng; 01 (một) điện thoại di động hiệu Xiaomi, màu vàng trắng model MCG3B đã qua sử dụng, 01 (một) điện thoại di động N3 có số seri 1: 352713076257007, số seri 2: 352713076257105, đã qua sử dụng.

01 (một) xe ô tô tải biển số: 93C-080.24, số máy IQ071103610D, số khung GM9X7H083289, nhãn hiệu JINBEL, dung tích 1809, loại xe: tải có mui, màu sơn: Đồng, sản xuất năm 2009, đã qua sử dụng; 01 giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 007696, đăng ký xe ô tô tải biển số 93C-080.24 do Công an tỉnh B cấp ngày 01 tháng 12 năm 2016 mang tên Nguyễn Duy H3.

(Theo biên bản về việc giao nhận vật chứng tài sản ngày 08 tháng 9 năm 2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bàu Bàng).

Tịch thu, nộp ngân sách Nhà nước số tiền 12.300.000 (mười hai triệu ba trăm nghìn) đồng.

(Giấy nộp tiền mặt ngày 08 tháng 9 năm 2023 tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần N4 – Chi nhánh B2).

Buộc bị cáo Thạch Tô N phải nộp 3.500.000 (ba triệu năm trăm nghìn) đồng, bị cáo Kiên T6 Khuyên phải nộp 5.700.000 (năm triệu bảy trăm nghìn đồng) để sung vào ngân sách Nhà nước.

4. Về trách nhiệm bồi thường thiệt hại và vấn đề dân sự trong vụ án:

Buộc các bị cáo Thạch Tô N và Kiên Thiện K phải liên đới bồi thường thiệt hại cho Công ty trách nhiệm hữu hạn N2 số tiền 14.994.000 (mười bốn triệu chín trăm chín mươi bốn nghìn) đồng. Bị cáo N đã bồi thường xong số tiền 7.500.000 (bảy triệu năm trăm nghìn) đồng theo biên lai số 0002451 ngày 20 tháng 11 năm 2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bàu Bàng, tỉnh Bình Dương. Bị cáo K có trách nhiệm bồi thường số tiền 7.494.000 (bảy triệu chín trăm bốn mươi nghìn) đồng cho Công ty trách nhiệm hữu hạn N2.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

5. Về án phí:

Các bị cáo Thạch Tô N, Huỳnh H, Phan Thị Phương Á và Hồ T2, mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo Kiên Thiện K phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm và 374.700 (ba trăm bảy mươi bốn nghìn bảy trăm) đồng án phí dân sự sơ thẩm

6. Quyền kháng cáo: các bị cáo, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án. Nguyên đơn dân sự và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bình Dương;
- Sở Tư pháp tỉnh Bình Dương;
- VKSND huyện Bàu Bàng;
- Công an huyện Bàu Bàng;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bàu Bàng;
- Bị cáo; Nguyên đơn dân sự;
- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án
- Cổng thông tin điện tử của Tòa án (nếu có);
- Lưu: hồ sơ, Văn phòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thanh Tùng